

# **PHÁT HUY NĂNG LỰC TỰ HỌC, TỰ NGHIÊN CỨU CHO SINH VIÊN NGÀNH SƯ PHẠM TIỂU HỌC QUA PHÂN MÔN TIẾNG VIỆT**

**Phát triển năng lực tự học, trọng tâm là nâng cao năng lực tư duy sáng tạo cho sinh viên là nhiệm vụ quan trọng của công tác giáo dục chuyên nghiệp nói chung và dạy học ở đại học, cao đẳng nói riêng. Đồng thời nó cũng là mục tiêu hướng tới của công cuộc đổi mới phương pháp dạy và học đang được đặt ra trong toàn ngành Giáo dục và Đào tạo. Muốn phát huy một cách tối đa năng lực tự học, tự nghiên cứu cho sinh viên, trong quá trình giảng dạy, người thầy phải luôn lấy việc học của học sinh làm đối tượng trung tâm của quá trình giảng dạy, phải tìm ra con đường, cách thức để người học tự chiếm lĩnh tri thức và vận dụng được tri thức vào thực tiễn.**

*1. Phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu cho sinh viên là mục tiêu của công cuộc đổi mới phương pháp dạy học ở các trường đại học, cao đẳng*

Học là một quá trình trong đó dưới sự định hướng của người dạy, người học tự giác, tích cực, độc lập tiếp thu tri thức, kinh nghiệm từ môi trường xung quanh bằng các thao tác trí tuệ và tay chân, nhằm hình thành cấu trúc tâm lí mới để biến đổi nhân cách của mình theo hướng ngày càng hoàn thiện. Học là công việc của người học, do người học - không ai có thể thay thế họ và chỉ có họ mới tạo ra sự thay đổi cho chính mình .

Như vậy, học đã là hàm chứa tự học. Và tự học không có nghĩa chỉ là việc học ngoài giờ lên lớp, mà tự học ở đây còn là hoạt động học diễn ra trên lớp dưới sự hướng dẫn, tổ chức, chỉ đạo của người thầy, người học phải động

não, tìm tòi, phát hiện, phân tích, khái quát để chiếm lĩnh tri thức khoa học bằng chính tư duy của mình. Nhưng để học có hiệu quả và tránh rơi vào tình trạng mò mẫm thiếu cơ sở thì học cần phải có sự hướng dẫn, tổ chức, chỉ đạo của người thầy. Bởi vậy, học cần phải được diễn ra trong mối quan hệ thống nhất biện chứng với hoạt động dạy của thầy. Mối quan hệ này có thể diễn ra một cách trực tiếp hoặc gián tiếp tùy vào mức độ tự lực và trình độ của người học. Điều này cũng có nghĩa là kết quả tự học của người học không chỉ phụ thuộc vào trình độ, năng lực của người học, mà còn phụ thuộc vào khả năng, kinh nghiệm tổ chức, hướng dẫn việc học của người thầy.

Để phát huy năng lực tự học, tự nghiên cứu cho sinh viên (SV), giáo viên (GV) cần phải có sự đổi mới trong phương pháp giảng dạy và cần phải đổi mới ngay trong từng phân môn, qua từng bài học cụ thể. Để đổi mới phương pháp giảng dạy, chúng ta cần phải có cái nhìn biện chứng đối việc lựa chọn phương pháp. Theo chúng tôi, không có một phương pháp riêng lẻ nào là độc tôn, tối ưu mà phương pháp tốt nhất là vận dụng các phương pháp một cách linh hoạt. Phải biết tùy thuộc vào tình huống, đối tượng người học, nội dung chương trình và từng bài học cụ thể... mà vận dụng linh hoạt phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức sao cho người học không ngừng động não, tìm tòi, phát hiện, phân tích, khái quát để tự chiếm lĩnh tri thức khoa học. Lý luận và thực tiễn dạy học đã chứng minh: ở đâu có sự tham gia tích cực của người học vào quá trình tìm kiếm tri thức thì ở đó tri thức được lĩnh hội một cách vững chắc hơn, hiệu quả nhận thức cao hơn.

*2. Một số giải pháp nhằm phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu cho sinh viên ngành Sư phạm Tiểu học qua phân môn Tiếng Việt*

Để phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu cho SV, chúng ta có thể sử dụng được rất nhiều phương pháp, nhưng trong khuôn khổ của bài viết này chúng tôi xin trình bày một số phương pháp mang tính đặc thù riêng của phân môn Tiếng Việt:

2.1. Tổ chức, hướng dẫn cho sinh viên tự lĩnh hội kiến thức ngôn ngữ học về tiếng Việt dưới góc độ là một "nhà nghiên cứu"

Dạy tiếng Việt cho sinh viên ở bậc đại học, cao đẳng ngành Sư phạm không chỉ là truyền thụ cho họ những kiến thức lí thuyết ngôn ngữ về tiếng Việt mà còn phải hướng SV tới việc tiếp nhận các phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ để tìm ra được lí thuyết đó. Giáo viên, sinh viên không phải là các nhà nghiên cứu, không nhất thiết phải đi lại toàn bộ con đường mà nhà nghiên cứu đã đi, nhưng trên những bước đi cơ bản thì không thể khác được ... Học tập với nghĩa tích cực nhất là "phát hiện lại" (chữ của Piaget). Thực hiện được điều này thì việc học không phải là áp đặt đối với sinh viên.

Để giúp SV lĩnh hội kiến thức ngôn ngữ học về tiếng Việt dưới góc độ của một "nhà nghiên cứu", GV phải sử dụng phương pháp dạy "Phân tích - nghiên cứu ngôn ngữ". Đặc trưng cơ bản của phương pháp này là: theo sự chỉ dẫn của giáo viên, dựa trên những ngữ liệu đã cho, SV quan sát và phát hiện những hiện tượng ngôn ngữ, tìm ra những đặc trưng chung của chúng, từ đó hình thành nên khái niệm và quy tắc mới. Trong phương pháp này, để thực hiện một hành động phân tích, SV phải sử dụng những thao tác cơ bản như: phân tích - phát hiện, phân tích - chứng minh, phân tích - phán đoán, phân tích - tổng hợp. Ưu điểm của phương pháp dạy "phân tích - nghiên cứu ngôn ngữ" là ở chỗ phương pháp này có mối quan hệ chặt chẽ với kiểu dạy học nêu vấn đề. Dưới sự tổ chức, điều khiển khéo léo của giáo viên, SV luôn được đặt trước những tình huống có vấn đề cần phải giải quyết. Chính

điều này đã giúp SV không những phát huy được cao độ tính tích cực, chủ động vươn lên tự tìm hiểu, tự nghiên cứu để nắm bắt tri thức, mà còn giúp họ nâng cao được năng lực tư duy sáng tạo. Ngoài ra, phương pháp này rất phù hợp cho việc khuyến khích SV hình thành các khái niệm trừu tượng.

## 2.2. Hướng dẫn sinh viên thu thập nguồn tài liệu tham khảo và phương pháp đọc đối với từng loại sách cụ thể theo đặc trưng bộ môn

Đối với phân môn Tiếng Việt, trong buổi đầu lên lớp, giáo viên có thể hướng dẫn sinh viên phương pháp đọc đối với từng loại sách như sau:

- Đọc sách tham khảo thuộc chuyên ngành Ngôn ngữ học về Tiếng Việt

Ngoài cuốn giáo trình chính thống, GV cần giới thiệu cho SV nhiều đầu sách tham khảo để các em đọc và nghiên cứu thêm. Đồng thời giáo viên nên hướng dẫn SV cách đọc: khi đọc sách tham khảo cần phải có sự so sánh, phân tích, nhận xét, đánh giá cách giải quyết vấn đề của từng tác giả, từ đó lựa chọn cho mình một quan điểm mà mình cho là hợp lí, và khi đọc cần phải tiến hành ghi chép, đặc biệt là ghi lại những điều bản thân còn băn khoăn, chưa hiểu để có thể đưa ra trao đổi với giáo viên và bạn bè trong các giờ lên lớp, hoặc ở các buổi xêmina. Và GV cũng cần nói rõ cho SV biết: khi đọc sách tham khảo Ngôn ngữ học về tiếng Việt thì hiện tượng cùng một đơn vị, cùng một cấu trúc ngôn ngữ, ... nhưng giữa các tác giả lại dùng những tên gọi, những cách hiểu, cách lí giải khác nhau là một hiện tượng mang tính phổ biến. Đồng thời lí giải cho SV biết sở dĩ có hiện tượng đó là vì: trong quá trình nghiên cứu các hiện tượng ngôn ngữ cụ thể, các nhà nghiên cứu cũng có lúc băn khoăn, lúng túng trước những hiện tượng trung gian trong ngôn ngữ gây ra. Và đối với những hiện tượng trung gian này, việc xếp nó vào một loại nào cũng đều nảy sinh một chút mâu thuẫn. Về điều này, nhà ngôn ngữ học Đỗ Hữu Châu đã thừa nhận: "Sẽ không phải là

quá đáng nếu chúng ta nói rằng hễ người nghiên cứu vừ tách ra được một mặt đối lập mới trong ngôn ngữ thì lập tức những trường hợp không rành mạch sẽ xuất hiện cản trở chính ngay sự phân tách đó". Chính vì thế việc xử lí các hiện tượng trung gian trong ngôn ngữ là phụ thuộc góc nhìn và cách lí giải của từng nhà nghiên cứu. Nếu hiểu được điều này, SV sẽ có cách hiểu biện chứng hơn trong việc thu nhận tri thức qua sách tham khảo.

Phương pháp đọc sách này không chỉ có tác dụng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo trong việc chiếm lĩnh tri thức của sinh viên, mà còn góp phần rèn luyện cho họ kĩ năng tổng thuật các tài liệu khoa học trên cơ sở có phân tích, đánh giá - đây là một trong những kĩ năng cần phải có, cần phải trang bị cho sinh viên để họ có thể tập dượt làm công tác nghiên cứu khoa học.

- Đọc giáo trình Tiếng Việt

Khi lên lớp, phần lớn giáo viên đều yêu cầu SV đọc trước bài mới trong giáo trình. Song, thực tế có SV đọc, cũng có SV không đọc, lại cú một số SV đọc xong lại không khái quát được vấn đề cần học, không nắm được đâu là vấn đề cơ bản, trọng tâm của bài học. Để khắc phục điều này, giáo viên cần phải hướng dẫn SV cách đọc và cần phải có cách để kiểm tra việc đọc của SV.

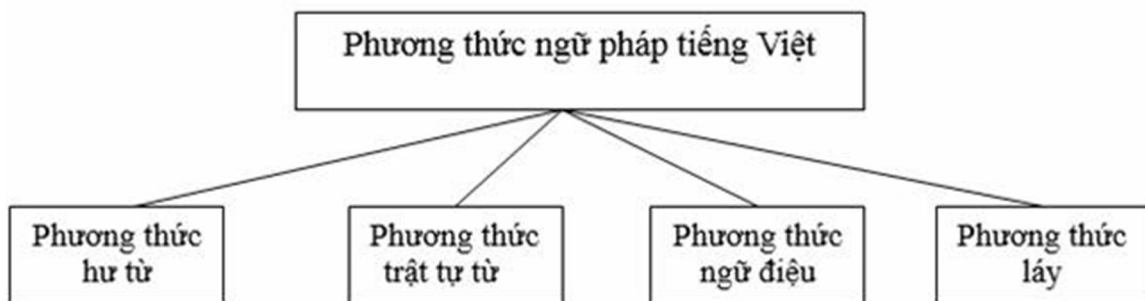
Cấu trúc của giáo trình Tiếng Việt dành cho SV ngành Sư phạm Tiểu học hệ đại học, cao đẳng thường đi từ tổng luận đến các nội dung cụ thể đòi hỏi SV phải có năng lực tư duy khái quát, định hướng cao mới có thể tiếp nhận được nội dung kiến thức mà giáo trình đề cập. Nếu thiếu năng lực định hướng, SV sẽ rơi vào tình trạng “thấy cây mà không thấy rừng”. Để rèn luyện năng lực tư duy khái quát, năng lực định hướng cho SV, GV có thể định hướng việc đọc của SV bằng hệ thống câu hỏi. Song hệ thống câu hỏi đưa ra phải hướng tới rèn luyện năng lực khái quát, năng lực phân tích nắm bắt một vấn đề cụ thể, và đặc biệt là phải tạo ra được những câu hỏi hướng SV vào việc

vận dụng những tri thức đã có, đã được học như là một công cụ để tiếp thu tri thức mới, giải quyết vấn đề mới.

Song song với việc hướng dẫn sinh viên đọcgiáo trình bằng hệ thống câu hỏi,giáo viên cần phải tiến hành kiểm tra việc đọc của sinh viên. Để thực hiện điều này, giáo viên nên yêu cầu SV hệ thống hóa kiến thức đọc được bằng mô hình Graph (bằng sơ đồ). Ngôn ngữ nói chung, tiếng Việt nói riêng là một hệ thống lớn bao hàm trong lòng nó nhiều hệ thống nhỏ có tính cấp bậc, tầng bậc. Qua thực tế giảng dạy, chúng tôi nhận thấy gần như hầu hết các nội dung ngôn ngữ học về tiếng Việt đều có thể lập được bằng mô hình G. Việc tái hiện kiến thức ngôn ngữ học về tiếng Việt bằng mô hình G có tác dụng rất lớn trong việc rèn luyện năng lực khái quát hóa vấn đề của SV. Đồng thời qua mô hình G, SV dễ dàng nắm được những đơn vị ngôn ngữ cụ thể và nhận ra được mối quan hệ giữa các đơn vị đó .

Việc yêu cầu SV hệ thống hóa kiến thức đọc được bằng mô hình G rất tiện cho GV kiểm tra việc đọc của SV mà không mất nhiều thời gian. Trước khi đi vào bài mới, hoặc đi vào từng nội dung cụ thể, GV yêu cầu SV lên trình bày nội dung đó bằng mô hình G, sau đó mới hướng dẫn, tổ chức cho SV đi sâu phân tích từng vấn đề cụ thể :

VD : Yêu cầu SV trình bày về các phương thức ngữ pháp tiếng Việt bằng mô hình G



- Đọc SGK Tiếng Việt từ lớp 1 đến lớp 5

Để SV tham gia một cách tích cực vào việc nghiên cứu SGK Tiếng Việt ở bậc tiểu học, GV phải cho SV thấy được tác dụng và ý nghĩa của hoạt động này:

+ Việc đọc và nghiên cứu SGK Tiếng Việt từ lớp 1 - lớp 5 trở thành một yêu cầu bắt buộc đối với sinh viên ngành Sư phạm Tiểu học. Bởi vì, sau khi ra trường, họ là người trực tiếp dạy tiếng Việt cho học sinh tiểu học. Vì vậy, việc nắm bắt được nội dung chương trình Tiếng Việt được đưa vào giảng dạy ở bậc tiểu học sẽ giúp SV chủ động hơn trong kế hoạch học tập và rèn luyện. Đồng thời tạo ra sự hứng thú cho SV bước đầu hướng nghiệp.

+ Giúp SV có kế hoạch bổ sung những kiến thức mới của Việt ngữ học đã được đưa vào chương trình tiểu học, nhưng lại chưa được chú trọng ở chương trình đại học và cao đẳng. Khi giảng dạy, ở từng chương, từng bài, GV nên yêu cầu SV so sánh nội dung chương trình tiếng Việt được học ở đại học, cao đẳng được đưa vào giảng dạy như thế nào ở bậc tiểu học (dung lượng kiến thức, tên gọi, cách phân loại các đơn vị tiếng Việt... có gì giống và khác nhau. Và nếu có sự khác biệt, yêu cầu SV lí giải những sự khác biệt đó). Cách làm này buộc SV phải đọc SGK Tiếng Việt ở tiểu học đồng thời giúp SV có kế hoạch vận dụng tri thức về tiếng Việt được học ở bậc đại học, cao đẳng vào việc dạy Tiếng Việt ở bậc tiểu học sau này .

*3. Khuyến khích sinh viên làm bài tập lớn và viết tiểu luận*

Để việc này trở nên thiết thực, trong quá trình giảng dạy, giáo viên phải khơi gợi được SV niềm yêu thích đối với tiếng Việt. Điều này phụ thuộc rất lớn vào trình độ, nghệ thuật phân tích cái hay, cái đẹp, cái lí thú về tiếng Việt của giáo viên. Đồng thời, giáo viên phải là người có khả năng phát hiện ra tính có vấn đề của các hiện tượng ngôn ngữ cần nghiên cứu để hướng sinh viên vào việc tham gia giải quyết vấn đề.

Quá trình làm bài tập lớn và viết tiểu luận là quá trình SV được rèn luyện một cách toàn diện nhất năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề và năng lực tư duy sáng tạo.

#### *4. Kết luận*

Hình thành năng lực tự học, tự nghiên cứu cho SV cũng có nghĩa là bồi dưỡng cho SV ý thức tự giác, thái độ tích cực trong học tập; giúp các em tự tạo ra cho mình nhu cầu, động cơ, hứng thú trong học tập, nâng cao ý chí và huy động sức lực vượt qua những khó khăn để tiếp thu tri thức, rèn luyện kĩ năng, kĩ xảo; và điều cốt yếu là rèn luyện cho các em thói quen làm việc độc lập. Thói quen này sẽ giúp các em khi rời giảng đường vẫn có khả năng tự học tập và nghiên cứu suốt đời để không ngừng nâng cao kiến thức và trình độ chuyên môn cho mình.